

CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ CỦA NHÀ NƯỚC PHONG KIẾN VIỆT NAM ĐỐI VỚI GIÁM SINH QUỐC TỬ GIÁM TỪ THẾ KỶ XI ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỶ XIX

TRỊNH THỊ HÀ *

Tóm tắt: Bài viết đề cập đến một số chính sách đãi ngộ của nhà nước phong kiến Việt Nam đối với Giám sinh trường Quốc Tử Giám từ thế kỷ XI đến nửa đầu thế kỷ XIX với nhiều chế độ khác nhau: từ cấp lương hàng tháng (bằng tiền, gạo, dầu thắp), bổ dụng chức quan trong quá trình học tập; ban cấp bút giấy, sách học; miễn các loại thuế và lao dịch... Các triều đại quân chủ Việt Nam rất coi trọng và đề cao sự nghiệp giáo dục Nho học. Riêng đối với trường Quốc Tử Giám, các triều đại luôn dành sự quan tâm đặc biệt về mọi mặt. Chính vì thế trong suốt thời gian hoạt động, trường Quốc Tử Giám đã có vai trò rất quan trọng trong việc đào tạo và cung cấp một đội ngũ trí thức Nho học cho chế độ quân chủ trung ương tập quyền. Các chế độ đãi ngộ đó đã có tác dụng tích cực trong việc cổ vũ, khích lệ các nho sĩ tiếp tục phấn đấu trong con đường khoa nghiệp của mình.

Từ khóa: Giám sinh, Quốc Tử Giám, triều đại quân chủ, giáo dục, chế độ đãi ngộ.

Quốc Tử Giám được vua Lý Nhân Tông (1072 - 1127) xây dựng vào năm 1076. Trải qua các triều đại Lý, Trần, Hồ, Lê sơ, Mạc và Lê trung hưng, Quốc Tử Giám luôn giữ vai trò là *trung tâm giáo dục Nho học của quốc gia Đại Việt* tại kinh thành Thăng Long. Đến năm 1803 cùng với việc định đô ở Huế, triều đình Nguyễn đã lập trường Quốc Tử Giám ở đây với tên gọi ban đầu là Quốc Học Đường. Trong suốt thời gian hoạt động, trường Quốc Tử Giám đã có vai trò rất quan trọng trong việc đào tạo và cung cấp một đội ngũ trí thức Nho học (có học vị) cho chế độ quân chủ trung ương tập quyền. Nhận thức được chức

năng giáo dục quan trọng đó, các triều đại quân chủ luôn dành sự quan tâm đặc biệt cho trường Quốc Tử Giám về tất cả các mặt, từ xây dựng cơ sở vật chất, tuyển chọn giáo viên, học sinh, đến việc ban hành sách vở dạy học, thi cử nhất là các bộ Tứ thư, Ngũ kinh, chế độ lương bổng, đãi ngộ, v.v.. Trong đó, các chính quyền luôn dành sự quan tâm nhiều hơn tới việc lựa chọn đối tượng vào học ở trường, đặc biệt là thực hiện nhiều ân điển đến người học thông qua các chỉ dụ được ban hành của nhà vua.

(*) Thạc sĩ, Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

1. Thành phần Giám sinh trường Quốc Tử Giám

Quốc Tử Giám ra đời trên cơ sở hệ tư tưởng Nho giáo ngày càng được củng cố trong đời sống xã hội Việt Nam, nền giáo dục Nho học dần dần được phổ biến rộng rãi tới nhiều tầng lớp trong xã hội. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi rằng, năm Thần Vũ thứ 2 (1070), vua Lý Thánh Tông cho xây dựng Văn Miếu ngay tại kinh thành Thăng Long, *vừa làm nơi thờ cúng thánh hiền, vừa là nơi học tập cho Thái tử*. Sáu năm sau, năm 1076 triều đình cho xây dựng trường Quốc Tử Giám tại địa điểm thôn Minh Giám huyện Thọ Xương (nay thuộc phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội). Diện tích của trường lúc đầu xây dựng là bao nhiêu không được sử sách ghi, song trải qua các đợt trùng tu, xây dựng của các triều đại kế tiếp sau này, diện tích của trường chắc chắn được mở rộng hơn. Theo *Địa bạ thôn Minh Giám* (lập ngày 5/12 năm Minh Mệnh 18 - 1839) khu Văn Miếu - Quốc giám có diện tích là: 7. 5.05.9.0 (7 mẫu, 5 sào, 5 thước, 9 tấc, 0 phân)⁽¹⁾.

Vào năm 1803, sau khi lên ngôi, vua Gia Long đã cho dựng trường Quốc học ở Kinh đô Phú Xuân (Huế), thuộc “địa phận xã An Ninh về phía Tây ngoài Kinh thành”⁽²⁾, cách khu Văn Miếu khoảng 300m về phía đông, với tên gọi là Quốc Học Đường. Năm 1821, vua Minh Mệnh (1820 -1840) mới bắt đầu cho dựng trường Quốc Tử Giám, tên trường Quốc Tử Giám ở thời Nguyễn chính thức xuất hiện từ đây.

Trải qua các triều đại Lý, Trần, Lê sơ, Mạc và Lê trung hưng, Quốc Tử Giám tại kinh thành Thăng Long (thời Nguyễn, Quốc Tử Giám đặt tại Huế) luôn trở thành *trung tâm giáo dục Nho học của cả nước*; có nhiệm vụ lưu giữ ván khắc, sách viết, in ấn sách để cung cấp cho các địa phương, đồng thời còn có nhiệm vụ tuyển chọn, bảo cử Giám sinh để bộ Lễ xét duyệt, bổ nhiệm vào bộ máy quan lại của triều đình. Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của trường là giảng dạy đạo sách Thánh hiền để “*mở con đường sùng nho thịnh vượng cho muôn đời*”. Với chức năng giáo dục đặc biệt quan trọng như vậy, Quốc Tử Giám luôn được các nhà nước quân chủ quan tâm cho xây dựng, tu tạo và mở rộng cả về quy mô và cảnh quan kiến trúc. Quy mô của trường bao gồm: nhà Minh Luân, giảng đường đông tây, phòng học của sinh viên ba xá, nhà che bia Tiên sĩ; kho chứa ván in - thư viện của trường.

Không chỉ chăm lo xây dựng cơ sở vật chất, mở rộng cảnh quan kiến trúc, các triều đại quân chủ Việt Nam cũng sớm có ý thức lựa chọn học sinh vào học tại Quốc Tử Giám. Dưới thời quân chủ, người tham gia học tập tại Quốc Tử Giám được gọi chung là “Sinh viên”, “Giám sinh”; thời Nguyễn, *Quốc sử quán triều Nguyễn* gọi là “Tọa giám”.

⁽¹⁾ Phan Huy Lê (chủ biên) (2010), *Địa bạ cổ Hà Nội (huyện Thọ Xương, Vĩnh Thuận)*, tập 2, Nxb Hà Nội, Hà Nội, tr. 188.

⁽²⁾ Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 1, Nxb Thuận Hóa, Thừa Thiên - Huế, tr. 75.

Trong phạm vi bài viết này tác giả gọi chung là “Giám sinh”.

Mặc dù nền giáo dục Nho học ở nước ta dưới thời Lý đã được phổ biến trong nhân dân, song phải đến thời Trần chế độ học tập và thi cử dần dần được “chính quy hóa”, trong dân gian, hầu hết làng xã nào cũng có lớp học do các nhà nho mở. Tuy nhiên, việc học tập tại trường Quốc Tử Giám dưới thời Lý - Trần - Hồ chủ yếu dành làm nơi học tập cho Thái tử, các hoàng tử và con cháu các quan đại thần văn, võ trong triều.

Đến thời Lê sơ (1428 - 1527), do thực hiện chính sách mở rộng con đường cầu hiền, đào tạo nhân tài cho đất nước nên nhà Lê đã nhiều lần xuống chiếu tuyển lựa học trò ưu tú vào học tại trường Quốc Tử Giám, nhờ đó mà đối tượng học ở trường đã được mở rộng. Năm 1428, ngay sau lên ngôi vua, Lê Thái Tổ (1428 - 1433) đã xuống chiếu cho “*lựa chọn con cháu nhà các quan và những người tuần tú trong nhân dân sung làm Giám sinh*”⁽³⁾. Năm sau (1429), nhà vua còn ban hành lệnh ưu tiên cho con quan văn võ trong triều được sung vào trường Quốc Tử Giám. Theo đó, con các quan văn từ Thượng thư (Tòng nhị phẩm) xuống đến bậc Thất phẩm và quan võ từ Đồng tri trở xuống chức Đại đội trưởng, từ 9 đến 17 tuổi đều được vào học trong trường. Tuy nhiên về sau, do mong muốn lấy được những người tuần tú trong nhân dân vào học, nên nhà Lê quy định người học muốn trở thành học sinh trường Quốc Tử Giám thì ít nhất phải kinh qua một kì thi khảo hạch để kiểm tra trình độ,

nếu đạt mới được tuyển vào học. Năm 1434, nhà Lê đã cho các đạo mở kì thi sát hạch các *Lộ hiệu sinh*⁽⁴⁾ lấy trên 1.000 người trúng tuyển, trong đó chỉ những học sinh trúng tuyển vào hạng nhất nhì mới được vào học trường Quốc Tử Giám. Đến năm Thái Hòa 5 (1447), nhà Lê cho phép con của các quan viên dự kì thi Hương nếu trúng 4 kì được vào học ở Quốc Tử Giám; vào năm Hồng Đức 14 (1483), vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497) còn cho phép cả “*nhân dân và quân sắc ai thi đỗ tú trường thì sung sinh viên ở Tăng Quang Đường*”⁽⁵⁾. Năm 1501, khi ban hành *thể lệ thi Hương*, vua Lê Hiến Tông cho cả các viên lại điển đang làm việc công nhưng đi thi đỗ Hương cống cũng được nghỉ công vụ để đi học ở trường Quốc Tử Giám. Tóm lại, đối tượng học tại Quốc Tử Giám thời Lê được tuyển dụng từ 4 nguồn sau:

- *Ân giám*: là những Giám sinh được vua ban ân cho vào học tại trường.

- *Ấm giám*: là con em các quan lại cao cấp từ Tứ phẩm trở lên (thời Nguyễn gồm con cháu của các vị công hầu khanh tướng và các quan từ Ngũ phẩm trở lên được đặc ân vào học trong trường Giám).

⁽³⁾ Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 832.

⁽⁴⁾ *Lộ Hiệu sinh* chỉ học sinh ở các nhà học các Lộ, tên gọi này có từ năm 1428, khi vua Lê Thái Tổ cho mở lại Quốc Tử Giám và nhà học ở các Lộ.

⁽⁵⁾ (2004), *Đại Việt sử ký toàn thư, Mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697)*, tập 2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 486.

- *Cử giám*: gồm những người đã đỗ kì thi Hương nhưng chưa dự thi Hội và những người chưa đỗ kỳ thi Hội xin vào học để chờ khoa thi Hội lấy bằng Tiến sĩ.

- *Giám sinh*: bao gồm những học trò có tư chất thông minh được gửi lên từ các địa phương, qua kì sát hạch của các quan trường Giám (thời Nguyễn còn được gọi là *Cống sinh*)⁽⁶⁾.

Đến thời Nguyễn, còn có thêm thành phần *Tôn sinh* (là những người trong họ nhà vua vào trường Quốc Tử Giám để đọc sách) và *Học sinh* (là những cống sinh ở các tỉnh miền núi thuộc Bắc Kì có trình độ học vấn thấp hơn các nơi khác cũng được theo học). Vào năm Thiệu Trị 3 (1843), triều đình cho cả con quan lại ở các tỉnh được thụ Ấm sinh⁽⁷⁾. Theo đó, ở Kinh, các con của quan Tứ phẩm trở lên và 1 con của quan Ngũ phẩm; ở các tỉnh thì các con của quan Tam phẩm trở lên, 1 con của quan Tứ phẩm được bổ vào học ở trường Quốc Tử Giám và được cấp lương ăn học.

Như vậy, học sinh học tập tại trường Quốc Tử Giám rất đông đảo, xuất thân từ nhiều thành phần khác nhau: từ tầng lớp quý tộc, con cháu quan viên văn, võ đến tầng lớp bình dân trong xã hội. Mỗi một triều đại lên cầm quyền đều có quy định riêng trong việc tuyển chọn các thành phần vào trong trường Quốc Tử Giám, nhưng lại có điểm chung trong việc thực hiện các chế độ đãi ngộ dành cho họ.

2. Chế độ đãi ngộ của nhà nước quân chủ

Mục tiêu của nền giáo dục Nho học là dạy và học để trở thành con người theo lý

tưởng Nho giáo, lý tưởng đó được gói gọn trong bốn chữ “tu, tề, trị, bình”, tức là: *tu thân* (rèn luyện bản thân mình) để có thể *tề gia* (quản lý gia đình được tốt), từ đó tiến lên *trị quốc* (cai trị đất nước) rồi *bình thiên hạ*. Mục tiêu đó đồng nghĩa với việc đào tạo nên một con người quân tử, một con người biết coi trọng luân thường đạo lý, biết sống có trách nhiệm luôn biết “đặt lợi ích quốc gia, xã hội lên trên lợi ích cá nhân”; là con người luôn có ý thức suốt đời phấn đấu để thành danh. Với ý nghĩa đặc biệt quan trọng đó, các triều đại quân chủ Việt Nam sớm có ý thức đề cao nền giáo dục Nho học, coi trọng việc đào tạo nhân tài cho quốc gia dân tộc qua con đường khoa cử. Vì vậy, họ đã dành rất nhiều ưu ái, ân điển cho những người theo nghiệp bút nho, trong đó có Giám sinh Quốc Tử Giám. Chúng ta có thể thấy rõ chính sách trọng người hiền của các triều đại qua sự kiện sau: năm 1825, khi vua Minh Mệnh cho Giám sinh Quốc Tử Giám 10 quan tiền, Hộ bộ Nguyễn Hữu Thân nói thể là quá hậu, vua Minh Mệnh bảo: “cho con hát, đàn bà hầu hạ thì không nên hậu, *chứ trò của bấu nhà*

⁽⁶⁾ Cách phân loại học sinh trường giám theo: Ân giám, Ấm giám, Cử giám, Giám sinh là chúng tôi tham khảo từ các công trình nghiên cứu chuyên khảo của các nhà nghiên cứu giáo dục hiện đại như: Nguyễn Tiến Cường, *Sự phát triển giáo dục và chế độ thi cử ở Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998; Đinh Khắc Thuân, *Giáo dục và khoa cử Nho học thời Lê ở Việt Nam qua tài liệu Hán Nôm*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2009.

⁽⁷⁾ Năm 1831 -1832, vua Minh Mệnh (1820 - 1840) đã tiến hành cuộc cải cách hành chính, đổi đơn vị hành chính từ Trấn sang Tỉnh, đồng thời chia cả nước thành 32 tỉnh.

nước, ngày nay nuôi để ngày khác dùng, há chẳng nên hậu hay sao?”⁽⁸⁾.

Cấp tiền lương cho ăn học

Giám sinh trường Quốc Tử Giám xuất thân từ nhiều thành phần khác nhau trong xã hội nhưng nhìn chung họ không bị đối xử phân biệt. Thước đo chung của tất cả học sinh ở trường là học lực và kỷ luật, vì vậy dù thuộc thành phần nào thì người học tại Quốc Tử Giám đều được triều đình cấp cho học bổng bằng tiền, gạo và dầu để hỗ trợ việc học.

Lệ ban cấp học bổng bằng tiền dành cho Giám sinh của các nhà nước quân chủ có từ sớm. Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Tiến Cường trong “*Sự phát triển giáo dục và chế độ thi cử ở Việt Nam thời phong kiến*” thì lệ này có từ thời Trần. Nhà Trần cũng chia học sinh trường Giám thành 3 trại (Hạ trại, Trung trại, Thượng trại)⁽⁹⁾ nhằm phân loại đối tượng theo trình độ để giảng dạy. Thời Lê sơ tiếp tục thể lệ này. Tác giả cũng cho rằng, thời Lê Quốc Tử Giám tiến hành phân loại học sinh để cấp học bổng làm từ rất sớm, sớm nhất là sau khoa thi Tiến sĩ đầu tiên vào năm 1442 dưới đời vua Lê Nhân Tông. Giám sinh được chia làm ba xá: *Hạ xá* (trúng 1 kì thi Hội), *Trung xá* (trúng 2 kì thi Hội) và *Thượng xá* (trúng 3 kì thi Hội), mỗi xá gồm 100 người, sinh viên ba xá này mỗi tháng được trợ cấp 9 tiền. Tuy nhiên, vào năm Hồng Đức 15 (1484), để khuyến khích việc học vua Lê Thánh Tông đã cho phân bổ lại mức học bổng thành 3 loại như sau: *Thượng xá sinh* được tặng 1 tiền cho đủ 1 quan; *Trung xá sinh* được

9 tiền như trước; *Hạ xá sinh* bớt đi 1 tiền còn 8 tiền⁽¹⁰⁾. Thể lệ ân điển này tồn tại kéo dài đến thời Mạc và Lê - Trịnh, với mức độ ít nhiều có khác nhau.

Nhà Nguyễn cấp lương cho học sinh không chia theo *ba xá* mà căn cứ vào kết quả học tập để phân chia hạng bậc rồi cấp lương. Mặt khác, nhà Nguyễn cấp lương không chỉ bằng tiền, mà còn có cả gạo, dầu thắp đèn để hỗ trợ cho người học; mỗi thành phần Giám sinh sẽ được hưởng một mức cụ thể.

Đối với thành phần là *Giám sinh*, hàng tháng mỗi người sẽ nhận được 2 quan tiền, 2 phượng gạo, 2 cân dầu⁽¹¹⁾. Tuy nhiên, vào năm 1823, vua Minh Mệnh cho phân loại học lực người học để cấp lương. Theo đó, *Giám sinh* đạt *hạng ưu* được 3 quan tiền, gạo 2 phượng, 5 cân dầu (để thắp đèn học tập); đạt *hạng ưu thứ* và *hạng bình* được 2 quan tiền, 1 phượng rươi gạo, 4 cân dầu; đạt *hạng bình thứ* và *thứ* được 1 quan 5 tiền, 1

⁽⁸⁾ Quốc sử quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục*, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 393.

⁽⁹⁾ Nguyễn Tiến Cường (1998), *Sự phát triển giáo dục và chế độ thi cử ở Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 111.

⁽¹⁰⁾ (2004), *Đại Việt sử ký toàn thư, Mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18(1697)*, tập 2, *Sổ*, tr. 520.

⁽¹¹⁾ Theo đơn vị đo lường từ đời Lê Thái Tông (1434 -1442) một tiền = 60 đồng; Theo *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*: *Phượng* là một trong đơn vị đo lường thời quân chủ, thường được dùng để đong gạo phát lương cho kinh thành và các trấn. *Phượng* chia làm 2 hạng: *phượng hạng lớn* và *phượng hạng vừa*. Từ thời Nguyễn trở đi (1805) dùng *phượng hạng to*, mỗi *phượng* 13 thưng gạo là 30 đấu đồng gát bằng miệng.

phương gạo, 3 cân dầu. Năm 1835, vua Minh Mệnh nhận thấy học sinh ở nhà Giám phần nhiều quê ở xa nếu không cung cấp đủ tiền ăn học, dầu đèn thì rất khó khăn, nên đã tăng lương hàng tháng cho Giám sinh, với các mức: *Hạng ưu* được 4 quan tiền, 3 phương gạo, 5 cân dầu; *hạng bình* được 3 quan tiền, 3 phương gạo, 4 cân dầu; *hạng thứ* được 2 quan tiền, 2 phương gạo, 3 cân dầu⁽¹²⁾.

Đối với hạng *Ấm sinh*, mỗi tháng được 2 quan tiền, 2 phương gạo và 5 cân dầu để học ở nhà Giám. Tuy nhiên, vào năm 1829, triều đình cho phát lương Ấm sinh chia làm ba loại, đồng thời giảm số lương xuống. Cụ thể: hạng nhất mỗi tháng mỗi người được 2 quan tiền, 2 phương gạo, 3 cân dầu; hạng nhì được 1 quan 5 tiền, 1 phương 15 đấu gạo, 2 cân dầu; hạng ba tiền 1 quan, gạo 1 phương, dầu 1 cân⁽¹³⁾. Nguyên nhân giảm lương hạng Ấm sinh là vì năm này triều đình cho tất cả các con của quan từ Tứ phẩm trở lên và 1 con đích của quan Ngũ phẩm vào học nhà Giám, có những viên quan có nhiều con được học ở nhà Giám được lợi quá nhiều, cần điều chỉnh hợp lý.

Đối với hạng *Tôn sinh*: từ năm 1821, vua Minh Mệnh cho lấy 60 Tôn sinh vào nhà Giám học, ngoài lương tôn thất, đối tượng này được cấp thêm mỗi người mỗi tháng 2 quan tiền, 2 phương gạo.

Đến đời vua Tự Đức (1848 -1883), mức học bổng của Giám sinh được điều chỉnh tăng lên. Ví dụ, theo quy định mức học bổng dành cho Giám sinh năm Tự Đức 6 (1853), thì Cử nhân, Giám

sinh, Ấm sinh nếu qua kì khảo hạch, hạng ưu mỗi tháng tiền được 4 quan, gạo 3 phương; hạng bình tiền 3 quan, gạo 2 phương; hạng thứ tiền 2 quan, gạo 2 phương. Tôn sinh hạng ưu, mỗi tháng tiền 3 quan, gạo 3 phương; hạng bình tiền 2 quan, gạo 2 phương; hạng thứ 1 quan 3 tiền 20 đồng, gạo 1 phương 10 uyen⁽¹⁴⁾.

Như vậy, triều đình nhà Nguyễn căn cứ vào kết quả học lực qua các kì sát hạch hàng quý (3 tháng 1 lần) để tăng hoặc giảm số lượng tiền, gạo và dầu cho Giám sinh. Dưới thời vua Minh Mệnh có quy định: “lấy khóa hạch bốn tháng trọng [*bốn tháng trọng này gồm: tháng trọng đông (tháng 11), tháng trọng xuân (tháng 2), tháng trọng thu (tháng 8), tháng trọng hạ (tháng 5)*] chia hạng cấp cho Giám sinh”⁽¹⁵⁾. Giám sinh phải trải qua kì kiểm tra *thể văn tứ trường*⁽¹⁶⁾ theo đó, nếu ai thông hiểu thể văn tứ trường hoặc tam trường thì là bậc nhất; nhị trường

⁽¹²⁾ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 2, quyển XI, *sđđ*, tr. 430.

⁽¹³⁾ Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 3, quyển 58, Nxb Thuận Hóa, Thừa Thiên - Huế, tr. 456.

⁽¹⁴⁾ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 7, quyển IX, *sđđ*, tr. 288 - 289.

⁽¹⁵⁾ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 2, quyển XXIV, *sđđ*, tr. 322.

⁽¹⁶⁾ *Thể văn tứ trường* còn gọi là tứ kỳ (4 kỳ) gồm những nội dung sau: *Kỳ thứ nhất*: 1 bài kinh nghĩa (tức giải thích nghĩa của Ngũ Kinh) và 4 bài Tứ thư (mỗi sách 1 bài), mỗi bài đều 300 chữ trở lên; *Kỳ thứ hai*: thi Chế - Chiếu - Biểu; *Kỳ thứ ba*: thi Thơ, Phú; *Kỳ thứ tư*: thi 1 bài văn sách, đầu đề hỏi về Kinh sử, hoặc các vấn đề về đường lối trị nước, từ 1.000 chữ trở lên.

hoặc nhất trường là bậc nhì, chưa thông thể vẫn là bậc ba. Mỗi bậc (hoặc là hạng ưu, bình, thứ) này sẽ tương thích với số lượng tiền, gạo, dầu như quy định đã trình bày ở trên. Nhưng đến năm 1853, vua Tự Đức cho giảm 4 kì sát hạch hàng quý xuống còn 1 kì vào tháng trọng xuân để xét cấp học bổng cho cả năm. Tuy nhiên, vào năm 1858, với lý do sinh viên nhập Giám phần lớn ở chốn xa xôi, trọn năm đều cậy vào lương tiền, nay chỉ một lần khảo hạch vào tháng trọng xuân để phân lương tiền thì người xếp hạng ưu cả năm được hậu cấp, người hạng thứ tuy có tiến bộ cũng phải chờ đến cả năm, e có lúc bê trễ. Cho nên vua Tự Đức đã chuẩn y cho khảo hạch các Giám sinh 2 lần vào hai tháng trọng xuân và trọng thu của năm để tăng giảm học bổng.

So sánh mức lương của nhà Nguyễn cấp cho Giám sinh với mức lương của một số chức quan khác trong triều cho thấy, thực sự triều Nguyễn đã dành sự ưu đãi đặc biệt tới học sinh trường quốc học. Ví dụ, vào thời điểm năm 1821, triều Nguyễn đã cấp lương cho người đi làm hành tẩu ở 6 Bộ mỗi tháng 2 quan tiền, 2 phượng gạo; người đi làm hậu bổ Tri huyện huyện Thừa (tập sự làm các chức này trước khi được bổ chính thức) được cấp mỗi tháng tiền 3 quan, gạo 3 phượng; học trò là viên tử đi hậu bổ là 2 quan tiền, 2 phượng gạo; Tú tài, Ấm sinh, Tôn sinh, Giám sinh đi làm hậu bổ chức Giáo thụ là 2 quan tiền, 2 phượng gạo⁽¹⁷⁾.

Như vậy, tuy lương bổng nhà nước dành cho Giám sinh trường Quốc Tử

Giám chưa nhiều, song điều đó đã thể hiện phần nào sự quan tâm của các triều đại quân chủ đối với sự nghiệp đào tạo nhân tài. Đồng thời, sự quan tâm này đã góp phần cải thiện đời sống của các Giám sinh, giúp cho họ có thêm nhuệ khí trong con đường khoa nghiệp.

Bổ dụng chức quan

Trong quá trình học tập ở trường Quốc Tử Giám, người học có thể được bổ dụng chức quan để làm việc giữa chừng tùy theo nhu cầu của triều đình. Các bộ chính sử như *Đại Việt sử ký tục biên*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* đều cho biết, thời Lê việc bổ dụng chức quan cho Giám sinh Quốc Tử Giám được quy định rất cụ thể. Theo quy định vào năm Đoan Khánh 5 (1509), nếu người nào đã học 15 năm trở lên, thi Hội trúng nhiều trường hoặc học 18 năm trở lên thi Hội trúng trường 1 lần sẽ được sát hạch và bảo cử trình lên bộ Lại xét duyệt bổ các chức quan, chủ yếu bổ các chức ở phủ, huyện như: Tri phủ, Tri huyện, giữ các chức như Thủ lĩnh, Ban độc, Trưởng sử, Các môn, Tự ban, hoặc cùng các chức giáo quan như Huấn đạo, Học chính tư nghị, Giảng dụ... Thời Lê - Trịnh, chính quyền quân chủ còn nói rộng cho thành phần Giám sinh chưa trúng trường nhưng có am hiểu lễ tiết và những người học hành thi cử lâu năm cũng được xét tuyển để bổ dụng vào các chức Huấn đạo nơi ít việc

⁽¹⁷⁾ Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ*, tập 3 (quyển 36 - quyển 68), quyển 58, *sđđ*, tr. 445 - 446.

và Các môn sứ, Các môn phó sứ. Khi đủ niên hạn thì tùy vào công việc nhiều hay ít, họ sẽ được xét tuyển vào các chức Tri châu, Tri huyện, Học chính. Theo *quan chế thời Lê*, các chức quan này có phẩm hàm từ Tòng bát phẩm đến Chánh cửu phẩm, tương đương với chức quan bổ cho người đỗ Tiến sĩ hạng *Đệ Tam giáp đồng tiến sĩ* (vì Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ được bổ quan hàm Chánh bát phẩm). Rõ ràng, đây là sự ưu ái đặc biệt của nhà nước dành cho học sinh trường Quốc Tử Giám khi Giám sinh có thể được bổ chức quan ngang hàng với các bậc đại khoa. Ấn điển này tiếp tục được các triều đại sau duy trì.

Đến thời Nguyễn, từ triều Minh Mệnh, bộ máy hành chính quốc gia ngày càng được kiện toàn nên đòi hỏi ngày càng nhiều đội ngũ quan lại có chất lượng để phục vụ. Cho nên, năm 1825 nhà vua đã ban lệnh: “Quốc Tử Giám là nơi chứa nhân tài, gần đây đặt sinh viên, cho ăn lương hậu, bồi dưỡng gây dựng đã chu đáo lắm; các Giám sinh tọa Giám trước sau, đến nay thấm nhuần ân trạch giáo hóa, cũng đều đã có thành tài. Vậy hạ lệnh Tế tửu, Tư nghiệp lấy công bằng kén chọn lấy 30 người học vấn rộng văn chương hay có thể dùng được mà tâu lên”⁽¹⁸⁾. Các triều vua kế tiếp sau này như Thiệu Trị (1841 -1847), Tự Đức (1848 -1883) không chỉ tiếp tục kế thừa, mà còn quy định một cách chi tiết, cụ thể hơn thể lệ bổ dụng chức quan cho các Giám sinh. Chẳng hạn năm Tự Đức thứ 1 (1848), triều đình Nguyễn quy định: nếu Cử nhân (tức chỉ những người

đã đỗ kì thi Hương, thời Lê gọi là Hương cống) mà ở lại trường Quốc Tử Giám học tập, sẽ được đi làm hậu bổ các tỉnh, sau 3 năm sẽ bổ lên chức Tri huyện hoặc Tri châu. Nếu Âm sinh thi đỗ Cử nhân trở lên thì được bổ dụng trước, ai không đỗ phải ở lại Quốc Tử Giám, vượt qua kỳ sát hạch trúng 3 kỳ thì được chia đi làm hậu bổ.

Để được ra làm việc thì những Giám sinh này phải trải qua kỳ khảo hạch và xét tuyển do các quan trường Giám, bộ Lễ và bộ Lại phối hợp thực hiện. Theo quy định của chúa Trịnh Cương năm Bảo Thái 2 (1721) thì “mỗi tháng có một kỳ tiểu tập, thi khảo học trò đã được vào học, việc này do Giáo thụ và Học chính quản lĩnh; bốn tháng trọng có một kỳ đại tập, thi khảo có Học sinh và Hương cống, việc này do quan ở Quốc Tử Giám chịu trách nhiệm. Người nào thi 4 kỳ đều trúng tuyển, thì viên quan Quốc Tử Giám đứng bảo cử, bộ Lại sẽ theo thứ tự cất nhắc bổ dùng”⁽¹⁹⁾. Nội dung khảo hạch về cơ bản không có sự khác nhau giữa các triều đại. Ở đây chúng tôi lấy quy định về phép khảo hạch đời vua Minh Mệnh năm 1825 để tham khảo, phép khảo chia làm ba kỳ: *kỳ đệ nhất*, một bài thơ ngũ ngôn bài luật ngự chế 12 vần, một bài kinh nghĩa bát cổ; *kỳ đệ nhị*, một bài chiếu cáo thù phụng, một bài tụng theo cách tứ ngôn

⁽¹⁸⁾ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 2, quyển XXXI, *sđđ*, tr. 397- 398.

⁽¹⁹⁾ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 2, *sđđ*, tr. 424- 425.

đôi vắn 40 câu và có tiêu dẫn; kỳ đệ tam một bài sách vấn về thế vụ⁽²⁰⁾. Đến năm 1835, triều đình Nguyễn quy định cứ ba năm sẽ tổ chức một lần thi hạch tuyển theo phép khảo năm 1825. Nhưng vào thời Tự Đức, từ năm 1851 vì nhu cầu tuyển quan lại giúp việc không còn cao nên triều đình cho 6 năm tổ chức một lần tuyển bổ sinh viên trường Quốc Tử Giám. Giám sinh vượt qua kỳ khảo khóa mà lại có học hạnh phẩm chất tốt sẽ được bổ dụng vào các chức vụ khác nhau tùy theo nhu cầu của nhà nước: có thể làm ở văn phòng các bộ, hoặc có thể làm chức Ứng trực ở phủ các hoàng tử; hoặc làm chức giảng tập ở các địa phương, v.v.. Thẻ lệ khảo hạch này được áp dụng cho tất cả các thành phần Giám sinh, không phân biệt thành phần xuất thân. Như vậy, so với các triều đại trước, Giám sinh trường Quốc học dưới thời kì các vua đầu triều Nguyễn chủ yếu vẫn được bổ dụng vào các chức quan có phẩm hàm từ Tòng bát phẩm đến Chánh cửu phẩm, song thẻ lệ bổ dụng ở thời kỳ lịch sử này được quy định cụ thể hơn.

Một số ân điển khác

Giám sinh Quốc Tử Giám còn được hưởng một số ân điển khác từ nhà nước, như được *chu cấp sách vở, bút mực* (bao gồm các bộ *Tứ thư*: Đại Học, Trung Dung, Luận Ngữ, Mạnh Tử; *Ngũ Kinh*: Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Dịch, Kinh Xuân Thu và một số sách khác kinh điển khác) để học tập; được *miễn lao dịch, sung quân*, hoặc được *cấp quần áo, lễ phục, tiền tuất* khi ốm

đau, được *hỗ trợ tiền về quê thăm cha mẹ già*. Thời Lê trung hưng, Giám sinh cũng như học sinh ở các trường Hương học⁽²¹⁾ đều được cấp mũ ô sa đơn, áo thanh cát có lót, không có lá phủ sau, có dây thao đơn⁽²²⁾. Ở thời Nguyễn, mỗi sinh viên được cấp 1 bộ mũ tú tài, áo giao lĩnh xanh, 1 cái quần lụa màu lam, khăn quàng đóng đen, giày tất và cứ 5 năm thì thay cấp bộ mới. Trong trường hợp Giám sinh được bổ dụng hoặc vì lý do nào đó rời khỏi trường thì những mũ áo này được thu lại để cấp cho người khác. Còn nếu chẳng may ốm chết thì được gia ân đem mũ áo chôn theo, để tỏ là triều đình thể恤. Khi được nhà nước hỗ trợ tiền về quê thăm cha mẹ già, các Giám sinh phải xin được giấy xác nhận của quan chức ở trường, phải có giấy thông hành về nghỉ giả hạn và trình cho bộ Lễ biết để ngưng việc cấp lương. Sách *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* còn ghi lại trường hợp anh em Bùi Văn Đỗ được cấp mỗi người 10 quan tiền để về thăm cha mẹ già trong 3 tháng, sau đó được quay lại tiếp tục học tập. Thậm chí trong quá trình học tập mà mắc bệnh chết thì người học cũng được nhà nước cấp tiền tuất lo mai táng, như trường hợp Giám sinh Tạ Đăng Đoàn mắc bệnh

⁽²⁰⁾ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 2, quyển XXXI, *sđđ*, tr. 397- 398.

⁽²¹⁾ Thời Lê trung hưng, trường Giám được gọi là trường Quốc học; các trường ở Phủ, huyện gọi là trường Hương học.

⁽²²⁾ Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều hiến chương loại chí*, mục *Lễ nghi chí*, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 718.

chết được vua Minh Mệnh xuống chỉ: “cấp cho 50 quan tiền, 5 tấm vải, để tỏ lòng thương xót”; đời vua Thiệu Trị thứ 1 (1841) có viên *Ấm sinh* Trần Ngọc Dư bị bệnh chết, được triều đình cấp cho 20 quan tiền, vải 2 tấm.

Ngoài ra, để khuyến khích học sinh chăm chỉ học tập, cũng như hỗ trợ giúp người học vượt qua khó khăn, vào những dịp lễ lớn như lễ nhà vua đăng ngôi, lễ mừng thọ, tết năm mới hoặc vào mùa giá rét..., các Giám sinh ở Quốc Tử Giám còn được nhà nước cho thêm tiền.

Khi học tập tại Quốc Tử Giám, các Giám sinh chịu sự quản lý trực tiếp của giáo quan (bao gồm quan Tế tửu, Tư nghiệp, Giáo thụ...), đồng thời phải chấp hành đầy đủ nội quy trường học về thời khóa, thái độ học tập. Năm 1683, khi ban hành 6 điều răn tới các bề tôi và dân chúng của chúa Trịnh Tạc (1657 - 1682), điều thứ hai quy định: “*Khi giảng tập phải giữ đúng thời khóa, chẵn nuôi dân, chớ làm điều chính sự bạo ngược*”⁽²³⁾. Đối với Giám sinh ở trong ký túc xá, thì ngoài giờ học các Giám sinh chỉ được ăn ở và sinh hoạt tại những nơi đã được quy định trong trường, không được rong chơi bỏ trễ việc học, không được tụ tập uống rượu, đánh bạc, gây huyên náo hoặc tự tiện đưa vợ hoặc gái vào ở trong trường. Ai vi phạm sẽ bị khiển trách hoặc trừng phạt. Chẳng hạn, trong sách *Trị bình bảo phạm* (khuôn phép quý báu về việc trị bình) do vua Lê Tương Dực (1510 - 1516) ban hành năm 1511 bao gồm 50

điều, trong đó có điều thứ 5 quy định rất cụ thể về việc xử phạt sinh viên vi phạm nội quy như sau: nếu sinh viên bê trễ việc học khi điểm mục (điểm danh) mà thiếu 1 lần thì bị phạt 140 tờ giấy trung chỉ, thiếu 2 lần thì phạt 200 tờ giấy trung chỉ, thiếu 3 lần thì bị đánh 40 roi, nếu thiếu nhiều lần trong một năm thì giao lên bộ Hình xét hỏi, nặng nhất là bị đuổi học bắt sung quân⁽²⁴⁾. Thời Nguyễn quy định, nếu Giám sinh vi phạm nội quy đưa phụ nữ vào trong khu vực ký túc xá thì bị coi là có tội, bị đuổi học và bắt về làm dân thường. Nhà Nguyễn cũng quy định: cứ ba ngày quan nhà Giám kiểm xét 1 lần khu ở của Giám sinh. Nếu có người bỏ buồng đi, qua ngày không về đến 1 lần, 2 lần thì quan nhà Giám mắng bảo làm răn, nếu đến 3 lần thì quan nhà Giám xét nêu ra để trị tội, thậm chí cách học đuổi đi.

Rõ ràng việc thực hiện các chế độ đãi ngộ dành cho Giám sinh trường Quốc Tử Giám được các triều đại quân chủ tổ chức thực hiện một cách chặt chẽ thông qua việc quản lý, kiểm soát thái độ, ý thức chấp hành nội quy trường học của các Giám sinh.

Như vậy, các triều đại quân chủ Việt Nam từ thời Lý, Trần, Hồ, nhất là từ thời Lê sơ, Mạc, Lê - Trịnh và Nguyễn, đều đã thực hiện nhiều chế độ đãi ngộ khác nhau dành cho học sinh trường Quốc Tử

⁽²³⁾ Ngô Cao Lãng (1995), *Lịch triều tạp kỷ*, tập 1, Nxb Khoa học xã hội, tr. 87.

⁽²⁴⁾ (1993), *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản in nội các quan bản Mộc bản khắc năm Chính hòa thứ 18 (1697)*, tập 3, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

Giám, từ cấp tiền lương, gạo, dầu thắp đèn, bổ dụng chức quan đến trang phục, miễn lao dịch, v.v.. Trong chế độ đãi ngộ đối với các Giám sinh xưa, mỗi một triều đại sẽ có những quy định riêng về mức độ số lượng, song tất cả những việc làm đó đã thể hiện sự quan tâm của các triều đại quân chủ trong chính sách coi trọng hiền tài, và tuyển chọn nhân tài thông qua giáo dục khoa cử của các nhà nước quân chủ.

Những chế độ đãi ngộ trên đây đã có ý nghĩa quan trọng đối với Giám sinh trong việc cố vũ, khích lệ, động viên họ cả về vật chất lẫn tinh thần. Kết quả là, đã có rất nhiều người trong số Giám sinh trường Quốc Tử Giám đỗ Tiến sĩ, nhiều người trong số họ không chỉ trở thành những vị quan lớn đầu triều tham gia vào những công việc quốc gia đại sự, mà họ còn là những nhà văn hóa, nhà giáo, nhà quân sự lỗi lạc của xã hội đương thời.

Tài liệu tham khảo

1. Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Nguyễn Tiến Cường (1998), *Sự phát triển giáo dục và chế độ thi cử ở Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Phạm Đức Thành Dũng - Vĩnh Cao (chủ biên) (2000), *Khoa cử và các nhà khoa bảng triều Nguyễn*, Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế, Nxb Thuận Hóa, Thừa Thiên - Huế.
4. (2004), *Đại Việt sử ký toàn thư, Mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697)*, tập 2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. (1993), *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản in nội các quan bản Mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697)*, tập 3, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

6. (1991), *Đại Việt sử ký tục biên (1676 - 1789)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

7. Ngô Cao Lãng (1995), *Lịch triều tạp ký*, tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

8. Phan Huy Lê (chủ biên) (2010), *Địa bạ cổ Hà Nội (huyện Thọ Xương, Vĩnh Thuận)*, tập 2, Nxb Hà Nội, Hà Nội.

9. Nguyễn Thị Mai (2012), “Quốc Tử Giám cái nôi tri thức của nhiều bậc đại khoa thế kỷ XVIII”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học: Trường Quốc Tử giám Thăng Long và các trung tâm giáo dục Nho học Việt Nam*, Hà Nội, tháng 5.

10. Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ*, tập 3, Nxb Thuận Hóa, Huế.

11. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 1, Nxb Thuận Hóa, Thừa Thiên - Huế.

12. Quốc sử quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục*, tập 2, tập 7, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

13. Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 1, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

14. Đinh Khắc Thuân (2009), *Giáo dục và khoa cử Nho học thời Lê ở Việt Nam qua tài liệu Hán Nôm*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

15. Viện sử học (1977), *Lê triều quan chế*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

(25) Trên cơ sở tham khảo các công trình nghiên cứu về giáo dục Thăng Long và thống kê từ cuốn *Khoa cử và các nhà khoa bảng triều Nguyễn* do Phạm Đức Thành Dũng - Vĩnh Cao (cb), chúng tôi thống kê được: trong 18 bia Tiến sĩ thời Lê trung hưng (bia khắc khoa thi 1718 đến 1779) trong tổng số Tiến sĩ được lưu tên, có tới 63 người từng là Giám sinh Quốc Tử Giám. Thời Nguyễn, trong 32 tấm bia Tiến sĩ ở Quốc Tử Giám Huế, có 26 Tiến sĩ trong tổng số 75 người nguyên xuất thân là Giám sinh trường Quốc Tử Giám.

